TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1475/2025/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 11 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý 1139/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2025 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Dương Văn Q, sinh ngày 11/9/1981. CCCD số: 083081000631 cấp ngày 29/03/2021 tại Cục trưởng cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội. Thường trú: Ấp H, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long (xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre cũ).

2. Bà Nguyễn Thị Phương T, sinh ngày 25/6/1982. CCCD số: 079182009338 cấp ngày 22/11/2021 tại Cục trưởng cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội. Thường trú: Số F N, Ấp A, xã T (Khu phố A, thị trấn C, huyện C cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ việc cùng lời trình bày của những người yêu cầu, Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng:

Ông Dương Văn Q và bà Nguyễn Thị Phương T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn nên đây là yêu cầu về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bà Nguyễn Thị Phương T cư trú trên địa bàn xã T, Thành phố Hồ Chí Minh, vì vậy, Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng được quy định tại khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 và điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về hôn nhân: Ông Dương Văn Q và bà Nguyễn Thị Phương T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện

C, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 22 tháng 8 năm 2017 (Giấy chứng nhận kết hôn số 75), do vậy hôn nhân của ông Q và bà T là hôn nhân hợp pháp.

Nay ông Q và bà T yêu cầu Tòa án công nhận hai bên thuận tình ly hôn, Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ; giải thích về quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng và các vấn đề khác liên quan đến hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, ông Q và bà T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn hạnh phúc gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Q và bà T vẫn yêu cầu ly hôn.

Xét thấy, ông Q và bà T yêu cầu ly hôn là thật sự tự nguyện, do đó căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án ghi nhận ông Q và bà T thuận tình ly hôn.

[4] Về nuôi con chung: có 01 con chung tên Dương Ngọc Tâm Đ, sinh ngày 27/8/2017. Hai bên thống nhất yêu cầu giao con chung Dương Ngọc T1 Đan cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Ông Q không cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Ông Q và bà T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Nợ chung: Ông Q và bà T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ kiện này.

[7] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông Q và bà T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và tự nguyện chịu lệ phí Tòa án, do đó theo quy định tại Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Q và bà T phải chịu lệ phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Dương Văn Q và bà Nguyễn Thị Phương T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: có 01 con chung tên có 01 con chung tên Dương Ngọc Tâm Đ, sinh ngày 27/8/2017. Hai bên thống nhất giao con chung Dương Ngọc Tâm Đ cho bà Nguyễn Thị Phương T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Tạm ngưng nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Q cho đến khi bà T có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì

lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84, khoản 2 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc dân sự số tiền 300.000 đồng do ông Dương Văn Q và bà Nguyễn Thị Phương T chịu, mỗi người 150.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0030645 ngày 24/10/2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Q và bà T đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã Tân An Hội (TT Củ Chi, huyện Củ Chi cũ) ngày 22/8/2017; (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 75);
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc Thương